

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HS-PT

Ngày 17-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đăng Huy và ông Phạm Anh Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Đại - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 26/2022/TLPT-HS ngày 12 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo Phạm Hữu T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2022/HS-ST ngày 24/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương.

Bị cáo có kháng cáo: **Phạm Hữu T**, sinh năm 1960, tại Hải Dương; nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa : 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu Kh và bà Nguyễn Thị B; có vợ là Bùi Thị C và có ba con, con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại; có mặt.

Vụ án còn có bị cáo Lê Thị Thu H không kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quý tín dụng nhân dân Nguyên Giáp thuộc xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 054/NH- GP ngày 17/7/1997 của Giám đốc Ngân hàng nhà nước Chi nhánh tỉnh Hải Dương. Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã số 251745 ngày 18/5/2018 (*đăng ký thay đổi lần thứ 14*). Tháng 3/2017, Công ty kiểm toán kết luận việc chênh lệch số dư

tài khoản của quỹ tín dụng nhân dân Nguyên Giáp tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hải Dương với số dư trên hệ thống sổ sách là 494.000.000 đồng. Ngày 04/7/2017, Ngân hàng nhà nước kiểm tra đột xuất tiền mặt tồn tại quỹ. Ngày 31/7/2017, Giám đốc Ngân hàng nhà nước Hải Dương ra Quyết định thanh tra số 899/QĐ- HAD về việc thanh tra đột suất quỹ tín dụng nhân dân Nguyên Giáp từ ngày 07/8/2017 đến ngày 20/10/2017. Ngày 08/12/2017, Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Hải Dương có kết luận thanh tra số 155/KLTT- HAD về tổ chức và hoạt động tại quỹ tín dụng nhân dân Nguyên Giáp phát hiện nhiều sai phạm tại quỹ tín dụng nhân dân Nguyên Giáp trong đó có những hành vi vi phạm có dấu hiệu của tội phạm nên đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương để tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ vụ án như sau:

Năm 2011, Phạm Hữu T khi đó là Giám đốc quỹ tín dụng đã ký hợp đồng đại lý chuyển tiền trong nước và mở tài khoản số 46010002243798 tại Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Hải Dương để thực hiện việc chuyển tiền. Ngân hàng BIDV cấp cho T và Tr mỗi người quản lý một mã khóa ký (Token) là mã bảo mật để quản lý việc chuyển tiền từ tài khoản của quỹ tín dụng gửi tại ngân hàng BIDV- Chi nhánh Hải Dương đến người nhận. Theo quy định mỗi người phải giữ một mã Token, kế toán lập chứng từ chuyển tiền trên máy tính, trước khi chuyển tiền phải trình giám đốc kiểm tra chứng từ trên giấy và trên máy tính có khớp nhau không, sau đó nhập mã Token của kế toán và giám đốc thì lệnh chuyển tiền mới được thực hiện. Nhưng do tin tưởng Tr và trình độ tin học kém nên T đã làm giao mã Token của T cho Tr quản lý, không kiểm tra khi Tr lập lệnh chuyển tiền mà để Tr tự lập các lệnh chuyển tiền (*khi không có giấy nộp tiền chuyển đi lưu chứng từ, nhật ký quỹ không ghi có người nộp tiền để chuyển tiền đi*). Tr đã tự ý lập 20 lệnh chuyển tiền sai nguyên tắc vào các ngày 16/01/2014; 25/01/2014; 28/04/2014; 30/6/2014; 30/7/2014; 05/09/2014; 08/10/2014; 23/12/2014; 12/03/2015; 26/03/2015; 15/05/2015; 23/10/2015; 07/12/2015; 22/12/2015; 04/02/2016; 06/05/2016; 25/11/2015; 12/01/2016; 23/06/2016; 09/01/2017 (*trong đó có 14 lệnh chuyển tiền vào tài khoản của Tr, sau đó Tr rút tiền để sử dụng và 06 lệnh chuyển tiền vào tài khoản của nhiều người khác để trả nợ tiền thiết kế nhà Tr, cho bạn bè vay*) gây thiệt hại cho quỹ tín dụng nhân dân Nguyên Giáp số tiền 615.930.000 đồng.

Chiều ngày 03/11/2015, tại Quỹ tín dụng, Phùng Văn Tr - Kế toán trưởng đã tự ý lập 01 hồ sơ tất toán sổ tiết kiệm số seri BC 3216285 của khách hàng Phạm Hữu N, sinh năm 1967 trú tại thôn A, xã N, huyện T số tiền gửi 500.000.000 đồng mà không có mặt khách hàng, không có sổ tiết kiệm gốc của khách hàng nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Sau đó Tr mang hồ sơ gồm: Thẻ lưu sổ tiết kiệm, phiếu chi tiền gốc, phiếu chi tiền lãi cho Phạm Hữu T, nguyên

Giám đốc quỹ xét duyệt, T kiểm tra không thấy có mặt khách hàng, không có sổ tiết kiệm gốc nhưng do tin tưởng Tr nên vẫn ký duyệt chi số tiền gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi 55.300 đồng. Sau khi T ký duyệt, Tr chuyển hồ sơ cho Lê Thị Thu H - Thủ quỹ để chi tiền, H kiểm tra hồ sơ thấy không có sổ tiết kiệm gốc của khách hàng, không có mặt khách hàng, không có mặt trưởng ban kiểm soát tại quỹ nhưng vẫn làm thủ tục chi cho Tr số tiền 500.055.300 đồng. Tr đã mạo chữ ký của ông N vào bảng kê các loại tiền lĩnh rồi nhận tiền mang đi trong cốp xe mô tô của mình. Quá trình điều tra xác định tập chứng từ lưu trữ tại quỹ từ ngày 02/11/2015 đến ngày 03/11/2015 không có phiếu chi 0005/PC (chi lãi 55.300 đồng) và phiếu chi số 0006/PC (chi gốc 500.000.000 đồng) theo ghi nhận tại nhật ký quỹ ngày 03/11/2015 (*mất các chứng từ được đánh số từ 111 đến 114*). Đến ngày 06/02/2017, ông Phạm Hữu N đã mang sổ tiết kiệm gốc số seri BC 3216285 đến quỹ tín dụng để tắt toán. Tr đã tẩy, xóa các thông tin trên thẻ lưu sổ tiết kiệm lưu tại quỹ để làm các thủ tục tắt toán sổ tiết kiệm của ông N, nên quỹ không phát hiện ra việc đã tắt toán vào ngày 03/11/2015 và đã tắt toán sổ tiết kiệm này cho ông, ông không bị thiệt hại gì về tài sản, không biết sự việc ngày 03/11/2015 nêu trên và cũng không được hưởng lợi ích gì từ việc này.

Cũng với phương thức, thủ đoạn như trên, chiều ngày 30/12/2015, Phùng Văn Tr đã tự ý lập 01 hồ sơ tắt toán sổ tiết kiệm số seri BC 3216078 của khách hàng Trần Huy D, sinh năm 1974 trú tại phố Q, xã N số tiền gửi 950.000.000 đồng mà không có mặt khách hàng, không có sổ tiết kiệm gốc của khách hàng nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Sau đó Tr mang hồ sơ gồm: Thẻ lưu sổ tiết kiệm, phiếu chi tiền gốc, phiếu chi tiền lãi cho T xét duyệt, T kiểm tra không thấy có mặt khách hàng, không có sổ tiết kiệm gốc nhưng do tin tưởng Tr nên vẫn ký duyệt chi số tiền gốc 950.000.000 đồng và tiền lãi 2.996.300 đồng. Sau khi T ký duyệt, Tr chuyển hồ sơ cho H để chi tiền, H kiểm tra hồ sơ thấy không có sổ tiết kiệm gốc của khách hàng, không có mặt khách hàng, không có mặt trưởng ban kiểm soát tại quỹ nhưng vẫn làm thủ tục chi cho Tr số tiền 952.996.300 đồng. Sau khi nhận tiền, Tr mang tiền đi vào cốp xe mô tô của mình. Quá trình điều tra xác định tập chứng từ lưu trữ tại quỹ từ ngày 29/12/2015 đến ngày 30/12/2015 không có phiếu chi 0067/PC (chi lãi 2.996.300 đồng) và phiếu chi số 0068/PC (chi gốc 950.000.000 đồng) theo ghi nhận tại nhật ký quỹ ngày 30/12/2015, tập lưu trữ bảng kê các loại tiền lĩnh tháng 12/2015 không có bảng kê lĩnh số tiền sổ tiết kiệm gốc + lãi của giao dịch trên. Đến ngày 11/10/2016, ông Trần Huy D đã mang sổ tiết kiệm gốc số seri BC 3216078 đến quỹ tín dụng để tắt toán, Tr đã tẩy, xóa các thông tin trên thẻ lưu sổ tiết kiệm lưu tại quỹ để làm các thủ tục tắt toán sổ tiết kiệm của ông D, nên quỹ không phát hiện ra việc đã tắt toán vào ngày 30/12/2015 và đã tắt toán sổ tiết

kiệm này cho ông, do vậy ông D không bị thiệt hại gì về tài sản, không biết việc ngày 30/12/2015 nêu trên và cũng không được hưởng lợi ích gì từ việc này.

Tại Kết luận của thanh tra Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh Hải Dương, xác định:

Đối với sổ tiết kiệm đứng tên ông Phạm Hữu N, số seri BC 3216285: Tất toán lần 01 ngày 03/11/2015: Tiền gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi 55.300 đồng, hồ sơ chứng từ chỉ gồm: Nhật ký quỹ ngày 03/11/2015 (*có chữ ký của bà H - thủ quỹ, ông Tr - kế toán trưởng và ông T - giám đốc*) và bảng kê các loại tiền lĩnh số tiền 500.055.000 đồng (*có chữ ký của bà H và người lĩnh tiền - ông N nhưng có dấu hiệu giả mạo chữ ký của ông N*). Tại thời điểm thanh tra, tập chứng từ lưu trữ từ ngày 02/11/2015 đến ngày 03/11/2015 không có phiếu chi số 0005/PC (chi lãi 55.300 đồng) và 0006/PC (chi gốc 500.000.000 đồng) theo nhật ký quỹ ngày 03/11/2015, tập chứng từ được đánh số từ 01 đến 110, từ 115 đến 133 (*mất các chứng từ được đánh số từ 111 đến 114*).

Đối với sổ tiết kiệm đứng tên ông Trần Huy D, số seri BC 3216078: Tất toán lần 01 ngày 30/12/2015: Tiền gốc 950.000.000 đồng, tiền lãi 2.996.300 đồng hồ sơ chứng từ chỉ gồm: Nhật ký quỹ ngày 30/11/2015 (*có chữ ký của bà H, ông Tr và ông T*). Tập chứng từ lưu trữ từ ngày 29/12/2015 đến ngày 30/12/2015 không có phiếu chi số 0067/PC (chi lãi: 2.996.300 đồng) và 0068/PC (chi gốc: 950.000.000 đồng) theo ghi nhận tại nhật ký quỹ ngày 30/12/2015. Tập bảng kê các loại tiền lĩnh tháng 12/2015 không có bảng kê các loại tiền lĩnh của giao dịch trên.

Đối với 20 lệnh chuyển tiền sai nguyên tắc: Có 20 lệnh chuyển tiền từ tài khoản của quỹ tín dụng tại BIDV Hải Dương nhưng thực tế không nộp tiền vào quỹ (*không có giấy nộp tiền để chuyển đi lưu chứng từ, nhật ký quỹ không ghi có người nộp tiền để chuyển tiền đi*), không có lệnh chuyển tiền lưu chứng từ. Các lệnh chuyển tiền trên được thực hiện qua chương trình chuyển tiền điện tử của BIDV Hải Dương với các khóa ký điện tử của ông Phùng Văn Tr - Kế toán trưởng (người lập lệnh) và ông Phạm Hữu T - Giám đốc (người phê duyệt).

Tại Bản kết luận giám định số 11 ngày 05/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận:

Chữ ký "N" tại mục "Người nhận tiền" trên thẻ lưu sổ tiết kiệm có kỳ hạn số BC 3216285 và mục "Người lĩnh tiền" tại bảng kê các loại tiền lĩnh với chữ ký đứng tên Phạm Hữu N trên các mẫu tài liệu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký "D" trên các tài liệu thu thập với chữ ký đứng tên trên các tài liệu so sánh là do cùng một người ký ra.

Chữ ký "Giám đốc" Phạm Hữu T trên các tài liệu thu thập với chữ ký đứng tên Phạm Hữu T trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

Chữ ký "kế toán trưởng" Phùng Văn Tr trên các tài liệu thu thập với chữ ký đứng tên Phùng Văn Tr trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra. Chữ ký "N" tại mục "Người lĩnh tiền" tại bảng kê các loại tiền lĩnh do không đồng dạng với chữ ký người đứng tên Phùng Văn Tr trên tài liệu mẫu so sánh nên không tiến hành giám định.

Chữ ký "kiểm soát" Trương Đức S trên các tài liệu thu thập với chữ ký đứng tên Trương Đức S trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

Chữ ký "thủ quỹ" Lê Thị Thu H trên các tài liệu thu thập với chữ ký đứng tên Lê Thị Thu H trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

Hình dấu tròn có nội dung: "QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN NGUYÊN GIÁP" trên các sổ tiết kiệm có kỳ hạn BC3216078, BC 3216285 và thẻ lưu sổ tiết kiệm có kỳ hạn số BC 3216078, BC 3216285 với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một con dấu đóng ra.

Tại Bản kết luận giám định số 58 ngày 06/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Mặt sau thẻ lưu sổ tiết kiệm có kỳ hạn số BC 3216285: Tại mục "Thanh toán đủ gốc và lãi" đọc được chữ số nguyên thủy là số: "500.055.300". Tại mục "Ngày, tháng, năm" trên mục "Người nhận tiền" đọc được chữ số nguyên thủy tại vị trí "năm" là số: "15". Mặt sau thẻ lưu sổ tiết kiệm có kỳ hạn số BC 3216078. Tại mục "Thanh toán đủ gốc và lãi" đọc được chữ số nguyên thủy của 4 số đầu là: "9529". Tại mục "Ngày, tháng, năm" trên mục "Người nhận tiền" đọc được chữ số nguyên thủy tại vị trí "năm" là số: "15". Dưới mục "Người nhận tiền" đọc được chữ nguyên thủy là chữ "D". Các phần còn lại không đọc được nội dung nguyên thủy.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2022/HS-ST ngày 24/02/2022, Tòa án nhân dân huyện T căn cứ khoản 3 Điều 7 BLHS; Nghị quyết số: 41/2017/QH 14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội khóa XIV; khoản 2 Điều 180; điểm s, b, i khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Hữu T. Xử phạt bị cáo T 09 tháng tù về tội Vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Ngoài ra, bản án còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Lê Thị Thu H, quyết định về phần trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/3/2022, bị cáo Phạm Hữu T kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo T giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; căn cứ khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 180, Điều 17, Điều 58, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/5/2017 của Quốc Hội. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo T 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Phạm Hữu T trong thời hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Lời khai của bị cáo Phạm Hữu T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo và bị cáo Lê Thị Thu H tại cấp sơ thẩm, lời khai người làm chứng, kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Phạm Hữu T với chức vụ là giám đốc quỹ tín dụng đã không làm đúng quy định là không được giao mã khóa Token cho người khác. Nhưng do tin tưởng kế toán Phùng Văn Tr, bị cáo T đã giao 01 mã khóa ký Token của bị cáo T cho Phùng Văn Tr. Dẫn đến, Tr sử dụng mã khóa để thực hiện 20 lệnh chuyển tiền sai nguyên tắc vào các ngày 16/01/2014; 25/01/2014; 28/04/2014; 30/6/2014; 30/7/2014; 05/09/2014; 08/10/2014; 23/12/2014; 12/03/2015; 26/03/2015; 15/05/2015; 23/10/2015; 07/12/2015; 22/12/2015; 04/02/2016; 06/05/2016; 25/11/2015; 12/01/2016; 23/06/2016; 09/01/2017. Gây thiệt hại cho quỹ tín dụng số tiền 615.930.000 đồng. Ngoài ra, vào các ngày 03/11/2015 và 30/12/2015, Phạm Hữu T giữ chức vụ giám đốc Quỹ tín dụng và Lê Thị Thu H giữ chức vụ thủ quỹ quỹ tín dụng, đã không thực hiện đúng quy định của quỹ tín dụng về việc tắt toán hồ sơ sổ tiết kiệm của khách hàng. Dẫn đến, Phùng Văn Tr là kế toán của Quỹ tín dụng đã tắt toán hồ sơ sổ tiết kiệm của khách hàng Phạm Hữu N số tiền 500.055.300 đồng; khách hàng Trần Huy D số tiền 952.996.300 đồng khi không có mặt khách hàng và không có sổ tiết kiệm gốc, gây thiệt hại cho quỹ tín dụng tổng số tiền 1.453.051.600 đồng. Hành vi của bị cáo Phạm Hữu T và bị cáo Lê Thị Thu H đã đủ yếu tố cấu thành tội Vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/5/2017 của Quốc Hội, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T và bị cáo H

về tội danh trên theo quy định tại khoản 2 Điều 180 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về tội danh, bị cáo T không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân không kháng nghị.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Hữu T thì thấy: Cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, trong thời gian công tác, bị cáo T được Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh tỉnh Hải Dương tặng Giấy khen vì có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; bị cáo từng tham gia quân đội và được tặng danh hiệu Thanh niên quyết thắng nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo T đã thực hiện việc bồi thường xong cho Quỹ tín dụng số tiền còn lại là 216.440.060 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm; thể hiện thái độ ăn năn hối cải và ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo. Xét bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, phạm tội với lỗi vô ý, bị cáo không được hưởng lợi từ việc phạm tội, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng; Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, sửa bản án sơ thẩm, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, sống biết chấp hành và tuân thủ pháp luật, đồng thời thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo T được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Hữu T; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2022/HS-ST ngày 24/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Căn cứ khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 180; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Phạm Hữu T 09 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 18 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 17/5/2022), về tội Vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản.

Giao bị cáo Phạm Hữu T cho UBND xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Về án phí: Bị cáo Phạm Hữu T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 17/5/2022.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- Cơ quan CSĐT, HSNV, THAHS - Công an huyện T;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Lưu:VP, Tòa Hình sự, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn